

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2025
Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải
2. Ông Đặng Song Hoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phạm Quốc N, sinh năm 2002; địa chỉ: A V, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là A V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2002; địa chỉ: A V, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là A V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Phạm Quốc N trình bày:

Ông N và bà Nguyễn Thị Trúc L chung sống với nhau từ năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông N và bà L chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai không cùng quan điểm sống, nhiều lần cãi vã vì bất đồng ý kiến. Từ tháng 11-2021 đến nay, bà L tự ý bỏ đi và không sống cùng ông N nữa. Nay ông N xác định không còn tình cảm với bà L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông N và bà L có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 13-5-2021. Sau khi ly hôn, ông N đề nghị giao cháu V cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà L đến làm việc nhưng bà L vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Ông N và bà L chung sống từ năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân này không hợp pháp. Căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà L. Về con chung: Ông N và bà L có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 13-5-2021; cháu V hiện đang ở cùng với ông N nên đề nghị giao cháu V cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng: Ông N không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, ông N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L có địa chỉ tại phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Trúc L được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quốc N và bà Nguyễn Thị Trúc L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống như vợ chồng thì thời gian đầu ông N và bà L chung sống hạnh

phúc nhưng đến khoảng tháng 11-2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nay ông N xác định không còn tình cảm với bà L, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy, ông N và bà L có đủ điều kiện để kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà L là không hợp pháp. Theo ông N trình bày từ tháng 11-2021, bà L đã tự ý bỏ đi, không sống cùng ông N nữa. Tòa án đã tiến hành xác minh bà L có đăng ký thường trú tại địa chỉ A đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là 1817 đường C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng hiện vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà L để lấy lời khai và hòa giải nhưng bà L vắng mặt, cũng không gửi ý kiến phản hồi cho Tòa án. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông N và bà L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần áp dụng quy định khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà L.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông N và bà L có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 13-5-2021; ông N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Qua kết quả xác minh cho thấy cháu V hiện đang ở với ông N, bà L hiện vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu; do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và tránh xáo trộn môi trường sống của trẻ nhỏ nên giao cháu V cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Quốc N đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Trúc L:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Quốc N và bà Nguyễn Thị Trúc L.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 13-5-2021 cho ông Phạm Quốc N là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Trúc L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Quốc N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Phạm Quốc N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0000608 ngày 17-02-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Thành phố Hồ Chí Minh). Ông N đã nộp xong.

3. Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm đối với đương sự có mặt là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV11-TPHCM;
- Phòng THADS KV11-TPHCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký*)

Hồ Hạnh Nguyên